TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 72/2024/HS-PT
Ngày 01 tháng 3 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Phạm Tấn Hoàng, ông Lê Tự

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Đinh Thị Trang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 01 tháng 3 năm 2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 16/2024/TLPT-HS ngày 05/01/2024 do Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2023/HSST ngày 27/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 219/2024/QĐXXPT-HS ngày 16/02/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đối với:

Bị cáo: Nguyễn Thị Thanh H**,** sinh ngày 21/7/1999 tại huyện T, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1967, hiện cùng sinh sống tại xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội; chồng: Không; con: 03 người con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án: 01 tiền án, ngày 19/5/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội xử 18 tháng tù về "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản'. Bị cáo đang được hoãn thi hành án do đang nuôi con nhỏ; tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/10/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa theo chỉ định cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Thành Đ, thuộc Công ty L**,** Đoàn Luật sư thành phố Đ; có mặt.

Bị hại: Anh Trần Xuân M, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ A, TDP E, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án tóm tắt như sau: Khoảng đầu năm 2021, Nguyễn Thị Thanh H quen biết và có tình cảm với anh Trần Xuân M, sau đó về sinh sống cùng nhau tại nhà anh M ở tổ dân phố E, phường B, thành phố Đ, quá trình sống cùng nhau, H nghe anh M kể

việc trước đây anh M bị người khác đánh. Để thực hiện mục đích lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của anh M, H đưa ra thông tin gian dối là Hà quen một số người công tác trong ngành Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án ở Hà Nội có thể giúp anh Minh trong việc khởi tố, xử lý những người đã đánh anh M trước đây và yêu cầu anh M đưa tiền để H lo giúp việc này. Tin tưởng H, trong thời gian từ năm 2021 đến năm 2022, anh Trần Xuân M đã nhiều lần trực tiếp đưa H tổng số tiền 7.925.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 15/5/2021, tại nhà của mình, anh M đưa H 50.000.00 đồng; sau đó, H yêu cầu nên anh M nhiều lần đưa tiền cho H, cụ thể:

- Ngày 18/5/2021, tại nhà mình, anh M đưa H 40.000.000 đồng.
- Ngày 06/6/2021, tại nhà mình, anh M đưa H 50.000.000 đồng.
- Ngày 24/6/2021, tại nhà mình, anh M đưa H 200.000.000 đồng.
- Ngày 10/7/2021, tại nhà mình, anh M đưa H 400.000.000 đồng.
- Ngày 20/7/2021, tại nhà mình, anh M đưa H 150.000.000 đồng.
- Ngày 29/7/2021, tại nhà mình, anh M đưa H 300.000.000 đồng.
- Ngày 09/8/2021, tại nhà mình, anh M đưa H 560.000.000 đồng.
- Ngày 10/10/2021, tại nhà mình, anh M đưa H 450.000.000 đồng.
- Ngày 18/10/2021, tại nhà mình, anh M đưa H 350.000.000 đồng.
- Ngày 29/10/2021, tại nhà mình, anh M đưa H 700.000.000 đồng.
- Ngày 10/11/2021, tại nhà mình, anh M đưa H 560.000.000 đồng.
- Ngày 11/11/2021, tại nhà mình, anh M đưa H 450.000.000 đồng.
- Ngày 28/11/2021, tại nhà mình, anh M đưa H 450.000.000 đồng.
- Ngày 07/12/2021, tại nhà mình, anh M đưa H 890.000.000 đồng.
- Ngày 22/12/2011, tại nhà mình, anh M đưa H 650.000.000 đồng.
- Ngày 27/12/2021, tại nhà mình, anh M đưa H 400.000.000 đồng.
- Ngày 06/01/2022, tại nhà mình, anh M đưa H 150.000.000 đồng.
- Ngày 20/01/2022, tại nhà mình, anh M đưa H 170.000.000 đồng.
- Ngày 28/01/2022, tại nhà mình, anh M đưa H 85.000.000 đồng.
- Ngày 10/02/2022, tại nhà mình, anh M đưa H 65.000.000 đồng.
- Ngày 12/02/2022, tại nhà mình, anh M đưa H 25.000.000 đồng.
- Ngày 16/02/2022, tại nhà mình, anh M đưa H 780.000.000 đồng.

Đồng thời Nguyễn Thị Thanh H sử dụng thẻ ATM và tài khoản ngân hàng của anh Trần Xuân M rút và chuyển tiền nhiều lần tổng số tiền 690.000.000 đồng; như vậy, tổng số tiền H chiếm đoạt của anh M là 8.615.000.000 đồng.

Liên quan trong vụ án, quá trình điều tra xác định Nguyễn Thị Thanh H đã nhiều lần chuyển cho Nguyễn Thị T2, sinh năm 2005, trú tại xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội (em gái của H) số tiền 50.000.000 đồng bằng hình thức chuyển tiền vào số điện thoại của T2 thông qua ứng dụng chuyển tiền của V. Mục đích H chuyển tiền cho T2 để nhờ Thao chăm sóc, nuôi dưỡng con trai của H là Nguyễn Thanh S, T2 không biết nguồn gốc số tiền H chuyển từ đâu có; ngoài số tiền trên, T2 không nhận số tiền nào khác từ H.

Đối với chị Nguyễn Thị Kiều H1, sinh năm 1998, trú tại khóm A, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị: Khoảng đầu năm 2019, chị H1 làm công việc buôn bán thẻ cào điện thoại, thẻ nạp game online và làm dịch vụ nhận chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng, cụ thể: khi người nào có nhu cầu, công việc cần chuyển tiền với

nhau, nhưng vì điều kiện khó khăn như ở cách xa nhau, người nhận không có thẻ ATM thì người nhận sẽ đưa số tài khoản ngân hàng của H1 cho người chuyển và yêu cầu người đó chuyển tiền vào. Sau khi chuyển xong, người chuyển sẽ chụp lại thông tin chuyển tiền và gửi cho người nhận, người nhận sẽ mang thông tin, hình ảnh đó đến gặp H1 và xác nhận, sau đó H1 sẽ đưa tiền mặt cho người nhận, mỗi lần thực hiện việc nhận chuyển tiền, chị H1 được người nhận trả công.

Quá trình điều tra, H khai báo gian dối về việc sử dụng số tiền chiếm đoạt, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, nhưng không xác định được số tiền H chiếm đoạt của anh M rồi chuyển như trình bày của H. Cơ quan điều tra đã tạm giữ: Các bức thư, ký và đề tên người gửi là các thành viên gia đình của H tại Hà Nội gửi cho H; các giấy tờ ký và đề tên H thể hiện việc H nhận tiền của anh M. Ngày 05/4/2023, Phòng K Công an tỉnh Q có kết luận giám định số 253/KL-KTHS, kết luận: *"các chữ viết, chữ ký trên các bức thư, giấy nhận tiền là do* Nguyễn Thị Thanh H *viết, ký ra"*.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 69/2023/HS-ST ngày 27/11/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thanh H *phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".*

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g, h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh H *16 (mười sáu) năm tù. Áp dụng Điều 56 BLHS, tổng hợp hình phạt 18 (mười tám) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại bản án số 144/2021/HS-ST ngày 19/5/2021 Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của hai bản án là 17 (mười bảy) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bị cáo thi hành án.*

3. Về trách nhiệm Dân sự: áp dụng khoản 5 Điều 275; Điều 357; Điều 468; Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật Dân sự, xử buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh H *phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt của bị hại anh* Trần Xuân M *số tiền 8.615.000.000 (tám tỷ sáu trăm mười lăm triệu) đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh H *phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 116.615.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.*

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 0712/2023, bị cáo Nguyễn Thị Thanh H kháng cáo xin giảm hình phạt với lý do bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và đang cố gắng bồi thường cho bị hại, tuy nhiên, toàn bộ tiền bị cáo lừa đảo của anh M đã

đưa cho mẹ bị cáo, nhưng bị cáo chưa gặp được mẹ bị cáo để lấy tiền trả anh M, chứ bị cáo không muốn chiếm đoạt của anh M.

- Ngày 08/12/2023 bị hại Trần Xuân M kháng cáo cho rằng bị cáo có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đã bị khởi tố, truy tố đang trong thời gian chờ Tòa án xét xử, nhưng vẫn tiếp tục lừa đảo chiếm đoạt số tiền lớn của anh M và không bồi thường nên hình phạt 16 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là quá nhẹ, đề nghị cấp phúc thẩm tăng hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo H giữ nguyên kháng cáo.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng H khai lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh M theo xúi giục của mẹ H, số tiền chiếm đoạt H đã chuyển toàn bộ cho mẹ, nhưng mẹ bị cáo H chưa bị xử lý là bỏ lọt tội phạm và cũng chưa thu hồi được tiền trả cho bị hại nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

- Bị hại giữ nguyên kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo H vì H chưa khắc phục trả tiền cho bị hại.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cũng như của bị hại giữ nguyên bản án sơ thẩm; tuy nhiên, đề nghị kiến nghị với cơ quan tố tụng để làm rõ liên quan của mẹ bị cáo H theo trình bày của bị cáo H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án; căn cứ kết quả xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa xét thấy:

[1] Về tội danh và khung hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Thanh H thừa nhận bị cáo có hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định đó là trong thời gian từ đầu năm 2021 đến năm 2022, Nguyễn Thị Thanh H đưa ra thông tin gian dối là có quen biết một số người công tác trong ngành Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án ở Hà Nội có thể giúp anh Trần Xuân M trong việc khởi tố, xử lý những người đã đánh anh M trước đây, muốn làm được việc này anh M phải đưa tiền cho H. Vì tin tưởng thông tin gian dối H đưa ra nên anh M đưa và H đã nhận rồi chiếm đoạt của anh M tổng số tiền 8.615.000.000 đồng. Do H có hành vi lừa đảo như trên nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố Hà phạm *"Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự *"Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên"* là đúng tội danh, đúng khung hình phạt.

[2] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

Nguyễn Thị Thanh H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đã bị Công an huyện T, thành phố Hà Nội khởi tố vụ án, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh

Trì truy tố chờ Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì xét xử, nhưng hai lần vào các ngày 15 và 18 tháng 5 năm 2021 H ưa ra thông tin gian dối để lừa đảo chiếm đoạt của anh M số tiền 90.000.000 đồng. Ngày 19/5/2021, H bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội xử phạt 18 tháng tù về "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản", đang được hoãn thi hành án vì nuôi con nhỏ thì ngay sau đó vào ngày 06/6/2021 và liên tục nhiều lần tiếp theo, H tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh M; vì vậy, H phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Tái phạm"* và *"Phạm tội 02 lần trở lên"* quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; tuy nhiên, H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo của bị hại, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: Khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân; bị cáo H lừa đảo chiếm đoạt của anh M tổng số tiền 8.615.000.000 đồng là lớn gấp nhiều lần số tiền 500.000.000 đồng (mức định khung khởi điểm quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự); H phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Tái phạm"* và *"Phạm tội 02 lần trở lên"* quy định tại điểm g và h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, nhưng được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự *"Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"* quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xét bị hại cũng quá dễ dãi khi đưa tiền nên H có cơ hội chiếm đoạt số tiền lớn; vì các lý do trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét mức hình phạt 16 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo H là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo H cũng như kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt của bị hại Trần Xuân M nên giữ nguyên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo. Bị cáo H kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Đối với đề nghị của Luật sư và đại diện Viện kiểm sát về việc xem xét trách nhiệm của mẹ bị cáo H như trình bày của bị cáo H, thấy rằng: quá trình điều tra, H khai đưa tiền chiếm đoạt cho cha mẹ bị cáo H, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, nhưng không xác định được số tiền H chiếm đoạt của anh M rồi chuyển cho những người thân trong gia đình bị cáo H như trình bày của bị cáo H. Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định các bức thư *"ký và đề tên người gửi là các thành viên gia đình* H *tại Hà Nội"* gửi cho H và giám định các Giấy ký và ghi tên Nguyễn Thị Thanh H nhận tiền của anh M thì tại Kết luận giám định số 253/KL-KTHS ngày 05/4/2023, Phòng K Công an tỉnh Q kết luận: *"các chữ viết, chữ ký trên các bức thư, giấy nhận tiền là do* Nguyễn Thị Thanh H *viết, ký ra"*; như vậy, đủ cơ sở xác định các bức thư bị cáo H xuất trình mà theo H là người thân trong gia đình bị cáo H gửi cho H là giả mạo; vì vậy, không chấp nhận đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra lại như đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo H, cũng như không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát kiến nghị với Cơ quan tố tụng làm rõ liên quan của mẹ bị cáo H như trình bày của bị cáo H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 69/2023/HS-ST ngày 27/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, như sau:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g, h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh H 16 (mười sáu) năm tù về *"Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt 18 tháng tù về *"Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* tại bản án số 144/2021/HS-ST ngày 19/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội; buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 17 (mười bảy) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm Dân sự: áp dụng khoản 5 Điều 275; Điều 357; Điều 468; Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật Dân sự, xử buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh H phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt của bị hại anh Trần Xuân M số tiền 8.615.000.000 (tám tỷ sáu trăm mười lăm triệu) đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; 116.615.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Bình;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo, đại diện bị hại;
- Lưu: Phòng lưu trữ; Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân